

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Quy;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Linh H, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1994;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Ph, xã Th, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

(nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Linh H trình bày:

Ngày 23/12/2014, chị Lê Thị Linh H và anh Lê Ngọc V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo cuộc sống gia đình. Đến năm 2017, anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó giữa hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không quan tâm đến vợ con. Vì

vậy, chị Lê Thị Linh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn anh Lê Ngọc V.

Về con chung: Có 01 cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Ngọc V không có ý kiến trình bày gì.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 27/12/2021 tại UBND xã Cam Thành và Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021, ông Lê Ngọc B (bố đẻ của anh Lê Ngọc V) có ý kiến như sau:

Hai cháu H và cháu V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Cam Thành, huyện Cam Lộ. Quá trình chung sống thời gian đầu là hạnh phúc, đến năm 2017 thì con trai tôi là cháu V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay. Hiện nay, cô H xin ly hôn con trai ông B là cháu V thì gia đình ông B không có ý kiến gì, chuyện tình cảm do các cháu tự quyết định.

Hai vợ chồng cháu V có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015 (cháu Bảo N ở với ông bà nội từ năm 2017 cho đến nay). Nay cô H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nhưng gia đình ông B không chấp nhận yêu cầu này của cô H (Vì hiện nay cô H đã có tình cảm với người đàn ông khác và đã có 02 con riêng), nên gia đình ông B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông B đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 03/2022/TB-TLVA ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh Lê Ngọc V tại Đài Loan, nhưng anh V và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook. Gia đình ông B cam đoan sẽ gửi các giấy tờ của Tòa án hoặc thông báo lại cho anh V biết qua các trang mạng xã hội Zalo hoặc Facebook.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Linh H và anh Lê Ngọc V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, đến năm 2017 thì anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, lúc này giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai không sống chung và ít liên lạc với nhau trong một thời gian dài, anh Lê Ngọc V hiện đang sinh sống tại Đài Loan, nên tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày

26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lê Thị Linh H được ly hôn anh Lê Ngọc V.

Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Linh H nộp đơn xin ly hôn với anh Lê Ngọc V, thì anh V đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị H và gia đình anh V không cung cấp được địa chỉ của anh V tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh V vẫn thường xuyên liên lạc với anh V qua điện thoại hoặc qua Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bố của anh V thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; gia đình cam đoan thông báo các văn bản tố tụng cho anh V biết, nhưng anh V không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Lê Ngọc V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc V.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị Linh H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Linh H và anh Lê Ngọc V là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn chị H cho rằng vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Linh H được ly hôn anh Lê Ngọc V.

[2.2] Về con chung:

Chị Lê Thị Linh H và anh Lê Ngọc V có 01 con chung là 01 cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015, ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo N và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của cháu N, hiện tại anh V đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N. Trong khi đó, chị H có đầy đủ điều kiện và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Linh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Linh H được ly hôn anh Lê Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Lê Thị Linh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lê Ngọc V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Ngọc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Linh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000038 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Linh H đã nộp đủ án phí LHST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Linh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- UBND xã Cam Thành, h. Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Viết Nam